

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HS-PT

Ngày 26 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quách Lý Hoàng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 117/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: V, sinh ngày 16/6/1981 tại tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách Lao động, Thương binh và Xã hội - Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lư Văn Lễ và bà Phạm Thị Nhanh; vợ Nguyễn Cẩm Lệ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại từ khi điều tra cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo V: Ông Phạm Thanh Răng – Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh Răng – Như Huỳnh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị hại: Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Quách Hoàng Khải – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.
- + Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp 3, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.
- + Ông Phạm Văn S, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh (viết tắt Ủy ban xã) được cấp 3.506.500.000đ để hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ kinh doanh và người lao động không ký kết hợp đồng lao động bị ảnh hưởng dịch Covid-19 trên địa bàn xã Khánh Hội theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 04/9/2021 và Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Ủy ban xã phân công V là cán bộ Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách Lao động, Thương binh và Xã hội - Ủy ban xã có trách nhiệm tạm ứng tiền tại thủ quỹ của Ủy ban xã để cấp tiền trực tiếp cho người dân ở địa bàn xã Khánh Hội thuộc diện được trợ cấp. Căn cứ vào danh sách, V đã tạm ứng tổng số tiền **3.232.000.000đ** để cấp cho các đối tượng được hỗ trợ. Trong quá trình ứng tiền và chi tiền V có nộp hoàn tạm ứng đến ngày 27/01/2022 số tiền **54.000.000đ** nên số tiền V đã tạm ứng còn lại là 3.178.000.000đ.

Đến ngày 21/02/2022, V thanh quyết toán tạm ứng với Kế toán, Thủ quỹ và lãnh đạo Ủy ban xã, xác định số tiền V đã chi là **3.190.000.000đ**. Song, số tiền V tạm ứng chỉ có **3.178.000.000đ** nên ngày 10/01/2023, Ủy ban xã chi trả cho V **12.000.000đ**.

Ngày 23/3/2022, Ủy ban xã Khánh Hội có Báo cáo số 40/BC-UBND báo cáo Ủy ban nhân dân huyện U Minh về kết quả xác minh, xử lý cán bộ liên quan đến việc chi tiền hỗ trợ Covid – 19 do Báo Pháp luật phản ánh.

Ngày 24/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện U Minh có Văn bản số 24/UBND-NC chuyển vụ việc theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 23/3/2022 của Ủy ban xã Khánh Hội đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện U Minh để điều tra, xác minh, xử lý đúng quy định của pháp luật.

Ngày 22/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh ra Quyết định trưng cầu giám định việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ dịch Covid – 19 năm 2021 trên địa bàn xã Khánh Hội, huyện U Minh.

Ngày 31/12/2022, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau ban hành Kết luận giám định tài chính, kết luận:

- Việc thanh quyết toán số tiền nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid -19 đã quyết toán theo quy định. Tổng số tiền thực tế đã chi trả cho các đối tượng thụ hưởng thể hiện trong hồ sơ là 3.190.000.000đ.

- Ngân sách Nhà nước bị thiệt hại số tiền: **53.000.000đ**, người chịu trách nhiệm chính đối với số tiền này là V đã thực hiện hành vi nhận tiền nhưng không cấp cho một số đối tượng thụ hưởng theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Hộ nghèo Châu Văn Bảy (04 khẩu, số tiền 2.000.000đ) có ký tên nhận tiền; hộ cận nghèo Danh Văn Đen có ký tên nhận tiền (Tăng Thị Tươi ký tên 06 khẩu, số tiền 3.000.000đ); trợ cấp lao động tự do đợt 3 đối với Đỗ Thị Oanh có ký tên nhận số tiền 1.500.000đ; tổng là 6.500.000đ nên Cơ quan điều tra kết luận: Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, V đã lợi dụng chính sách của nhà nước hỗ trợ cho người dân trong điều kiện dịch bệnh để thực hiện hành vi chiếm đoạt **46.500.000đ** (53.000.000đ – 6.500.000đ), cụ thể:

* **Hộ nghèo theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND**, có tên trong danh sách nhận tiền (500.000đ/người) nhưng không có ký tên và họ không nhận được tiền, V đã quyết toán chiếm đoạt **2.500.000đ** tiền cấp cho 05 đối tượng, gồm:

- *Áp 1*: + Mai Thị Bé Ngân, sinh năm 2005 (hộ số 19; đợt 01, số thứ tự 02);
- + Bùi Thị Buôi, sinh năm 1954 (hộ số 30; đợt 02, số thứ tự 112);
- + Thạch Thị Hà, sinh năm 1967 (hộ số 03; đợt 02, số 123);
- + Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1975 (hộ số 24; đợt 03, số thứ tự 23);
- *Áp 8*: Hồ Thị Lệ, sinh năm 1985 (hộ số 78; đợt 04, số thứ tự 81).

* **Hộ cận nghèo theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND**, V đã quyết toán chiếm đoạt **11.000.000đ** tiền cấp cho 22 đối tượng; trong đó có 21 đối tượng có tên trong danh sách nhận tiền (500.000đ/người) nhưng không có ký tên và họ không nhận được tiền, gồm:

- *Áp 1*: + Hộ Phan Văn Định: 01 khẩu là Phan Văn Định.
- + Hộ Huỳnh Văn Hoai (Hoài): 01 khẩu là Huỳnh Văn Hoai.
- + Hộ Trần Văn Chuyên: 01 khẩu là Nguyễn Thị Thanh.
- + Hộ Lý Thị Vén: 01 khẩu là Dương Văn Duy.
- + Hộ Đỗ Kim Thanh: 01 khẩu là Đỗ Kim Thanh.
- + Hộ Ngô Văn Lận: 01 khẩu là Danh Thị Om.
- + Hộ Danh Châu Loan: 01 khẩu là Nguyễn Mai Huyền.
- + Hộ Nguyễn Văn An: 01 khẩu là Nguyễn Văn An.
- + Hộ Phạm Hữu Nghĩa: 01 khẩu là Phạm Hữu Nghĩa.
- + Hộ Nguyễn Văn Xuyên: 01 khẩu là Nguyễn Thị Thuý.
- + Hộ Bùi Tấn Sĩ: 01 khẩu là Bùi Diệu Ái.
- + Hộ Nguyễn Văn Ngờ: 01 khẩu là Nguyễn Văn Ngờ.
- + Hộ Nguyễn Thị Lắm: 01 khẩu là Nguyễn Thị Lắm.
- + Hộ Kim Em: 02 khẩu là Huỳnh Thị Chơn và Kim Huỳnh Như.
- + Hộ Nguyễn Thị Hoa: 01 khẩu là Nguyễn Thị Hoa.
- *Áp 2*: Hộ Lê Kiều Linh: 01 khẩu là Lê Kiều Linh.

- **Áp 3:** Hộ Trần Văn Tuyên: 01 khẩu là Nguyễn Ngọc Trân.
- **Áp 8:** Hộ Trần Thị Cương: 01 khẩu là Trần Thị Cương.
- **Áp 9:** Hộ Nguyễn Hoàng Ân: 01 khẩu là Ngô Thị Bích Tuyên; Hộ Bùi Vũ Lâm: 01 khẩu là Bùi Vũ Lâm.

- Ngoài ra, hộ cận nghèo Lê Thị Diệp (số thứ tự 49) có 03 khẩu nhưng V ghi trong danh sách 04 khẩu và quyết toán 04 khẩu, thêm 01 khẩu chiếm đoạt số tiền 500.000đ.

* **Quyết định số 1502/QĐ-UBND** đối tượng bán vé số lưu động, người lao động không giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm,... có ký tên nhận tiền nhưng không phải chữ ký của họ, họ cũng không nhận được tiền, V quyết toán chiếm đoạt của 22 người (1.500.000đ/người), với tổng số tiền **33.000.000đ**, cụ thể:

- **Đợt 02:** Tổng 696 người, trong đó V chiếm đoạt số tiền **1.500.000đ** tên Bùi Thảo Duyên, sinh năm 1982 (ấp 4, số thứ tự 425).

- **Đợt 03:** Tổng 483 người, trong đó V chiếm đoạt số tiền **10.500.000đ** tên 07 người:

+ **Áp 3:** Nguyễn Ngọc Giàu, sinh năm 1993 (số thứ tự 125); Trần Thị Dụ, sinh năm 1974 (số thứ tự 133).

+ **Áp 4:** Đỗ Văn Tường (Tuồng), sinh năm 1984 (số thứ tự 232); Nguyễn Nhật Duy, sinh năm 2000 (số thứ tự 246); Trần Văn Tấn, sinh năm 2000 (số thứ tự 245); Võ Minh Luân, sinh năm 1995 (số thứ tự 242); Quách Văn Giới, sinh năm 1988 (số thứ tự 239).

- **Đợt 04:** Tổng 429 người, trong đó V chiếm đoạt số tiền **6.000.000đ** tên 04 người:

Châu Thị Hoa, sinh năm 1967 (ấp 1, số thứ tự 49); Cao Thùy My, sinh năm 1997 (ấp 1, số thứ tự 50); Mai Hữu Hiệu, sinh năm 1967 (ấp 3, số thứ tự 130); Lê Minh Nhất, sinh năm 1977 (ấp 5, số thứ tự 161).

- **Đợt 05:** Tổng 189 người, trong đó V chiếm đoạt số tiền **6.000.000đ** tên 04 người:

Huỳnh Thị Liên, sinh năm 1964 (ấp 3, số thứ tự 93); Phạm Thị Thu Thuý, sinh năm 1977 (ấp 3, số thứ tự 37); Đoàn Thị Kiều, sinh năm 1972 (ấp 3, số thứ tự 57); Từ Công Tuy, sinh năm 1979 (ấp 3, số thứ tự 86).

- **Đợt 06:** Tổng 58 người, trong đó V chiếm đoạt số tiền **3.000.000đ** tên 02 người: Trần Yên Dung, sinh năm 1991 (ấp 4, số thứ tự 35); Lê Mai Xuân, sinh năm 1990 (ấp 2, số thứ tự 15).

- **Đợt 07:** Tổng 72 người, trong đó, V chiếm đoạt số tiền tên 04 người **6.000.000đ**:

Phạm Anh Thư, sinh năm 2000 (ấp 3, số tứ tự 24); Nguyễn Mỹ Phượng, sinh năm 1975 (ấp 3, số thứ tự 29); Phạm Văn Thanh, sinh năm 1982 (ấp 4, số thứ tự 54); Nguyễn Văn Lãnh, sinh năm 1964 (ấp 4, số thứ tự 49).

Cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh truy tố V về Tội tham ô tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự, với số tiền chiếm đoạt là **46.500.000đ** (*Hộ nghèo và cận nghèo là 13.500.000đ, người lao động không giao kết hợp đồng là 33.000.000đ*).

Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nhận định:

Đối với số tiền cấp hộ nghèo và hộ cận nghèo bị cáo V không cấp tiền nhưng đã thanh quyết toán số tiền 13.500.000đ (27 trường hợp). Tuy nhiên, ngày 27/01/2022 bị cáo V nộp hoàn tạm ứng 12.000.000đ nên được đối trừ. Do đó, bị cáo V chỉ chiếm đoạt tiền cấp hộ nghèo và hộ cận nghèo là **1.500.000đ**.

Đối với tiền hỗ trợ cho người lao động không giao kết hợp đồng cho 22 trường hợp, số tiền 33.000.000đ thì chỉ có cơ sở xác định số tiền chiếm đoạt **12.000.000đ** (08 trường hợp). Còn lại 21.000.000đ của 14 trường hợp thì có 01 trường hợp bị cáo V ký tên thay nhưng người thụ hưởng có nhận tiền; 07 trường hợp chữ ký của người nhận tiền không đủ cơ sở kết luận là của ai; 06 trường hợp không có mặt tại địa phương, nên chưa đủ cơ sở kết luận bị cáo chiếm đoạt 21.000.000đ.

Tổng số tiền bị cáo V chiếm đoạt là 13.500.000đ (*Hộ nghèo và cận nghèo: 1.500.000đ, người lao động không giao kết hợp đồng: 12.000.000đ*).

Tại phần quyết định của bản án:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 353, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo V phạm Tội tham ô tài sản.

Tuyên phạt bị cáo V 07 (bảy) năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị cáo V kháng cáo toàn bộ bản án và kêu oan, cho rằng không chiếm đoạt tiền như án sơ thẩm xét xử. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo V giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bản án sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh để điều tra lại theo thủ tục chung với lý do:

+ Bản án sơ thẩm giảm trừ số tiền hoàn ứng chênh lệch 12.000.000đ vào khoản tiền 13.500.000đ bị cáo chiếm đoạt của hộ nghèo và hộ cận nghèo là có dấu hiệu bỏ lọt số tiền chiếm đoạt.

+ Bỏ lọt số tiền 12.000.000đ chiếm đoạt của 08 trường hợp lao động tự do gồm: Đỗ Văn Tường - ấp 4 (đợt 3), Nguyễn Ngọc Giàu - ấp 3 (đợt 3), Đoàn Thị Kiều - ấp 3 (đợt 5), Từ Công Tuy - ấp 3 (đợt 5), Phạm Anh Thư - ấp 3 (đợt 7), Trần Thị Dụ (Đợt 3), Huỳnh Thị Liên (đợt 5), Phạm Thị Thu Thuý (đợt 5).

+ Chưa điều tra làm rõ đối với 05 trường hợp lao động tự do (Bùi Thảo Duyên, Võ Minh Luân, Châu Thị Hoa, Lê Mai Xuân, Nguyễn Mỹ Phượng).

+ Sau khi xét xử sơ thẩm, V cung cấp tài liệu mới là Giấy xác nhận của 08 trường hợp lao động tự do là đã có nhận tiền từ V gồm: (Lê Minh Nhất-đợt 3, Nguyễn Nhật Duy-đợt 3, Trần Văn Tấn-đợt 3, Quách Văn Giới-đợt 3, Mai Hữu Hiệu-đợt 4, Trần Yến Dung-đợt 6, Phạm Văn Thanh-đợt 7, Nguyễn Văn Lãnh-đợt 7) lời khai ban đầu những trường hợp này đều xác định không có nhờ V ký tên vào danh sách nhận tiền và không có được nhận tiền từ bị cáo V. Qua giám định chữ ký xác định 08 trường hợp này do V ký tên vào danh sách nhận tiền và bị cáo V cũng thừa nhận do bị cáo ký tên nhận tiền của 08 trường hợp này là 12.000.000đ. Tài liệu này có sự mâu thuẫn với tài liệu điều tra ban đầu. Do đó cơ quan điều tra cần phải triệu tập hỏi cung bị can, ghi lời khai, đối chất để làm rõ mâu thuẫn này.

Bị cáo: Bị cáo không đồng ý huỷ án sơ thẩm giao về điều tra lại như đề nghị của Viện kiểm sát. Bị cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm, đình chỉ điều tra vụ án và tuyên bố bị cáo không phạm tội theo Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự, với lý do:

Kết luận giám định của Sở tài chính kết luận: Việc thanh quyết toán số tiền nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid – 19 đã quyết toán theo quy định là không đúng. Vì, bị cáo chưa có thanh quyết toán. Biên bản thanh quyết toán ngày 21/02/2022 không phải là bị cáo đã thanh quyết toán vì biểu mẫu, hình thức không đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT – BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; Điều 16, 18 và 19 của Luật Kế toán.

Bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền. Trong thực hiện nhiệm vụ do tình hình dịch bệnh bị cáo có sai sót là khách quan chứ bị cáo không có ý thức chiếm đoạt nên nếu còn những người thuộc diện được hỗ trợ mà cho rằng chưa nhận tiền thì bị cáo phải bồi thường cho họ. Đây là tranh chấp dân sự chứ bị cáo không có chiếm đoạt.

Sau khi Toà án nhân dân huyện U Minh xét xử thì có nhiều người đã làm xác nhận cho bị cáo là họ đã nhận được tiền nhưng vì nhiều lý do nên lúc đó họ khai là họ chưa nhận được tiền.

Người bào cho bị cáo: Đề nghị huỷ án sơ thẩm, đình chỉ điều tra vụ án và tuyên bố bị cáo không phạm tội theo Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự với cơ sở:

Số tiền 1.500.000đ của hộ nghèo và hộ cận nghèo bị cáo không có chiếm đoạt vì bị cáo đã nộp 45.000.000đ trước khi khởi tố vụ án (ngày 07/4/2022, số tiền 10.500.000đ; ngày 19/9/2022, số tiền 34.500.000đ) nên bị cáo không có chiếm đoạt 1.500.000đ.

Đối với số tiền 12.000.000đ của 08 đối tượng, sau khi xét xử sơ thẩm những người này đã làm giấy xác nhận xác định là họ đã nhận được tiền hỗ trợ dịch Covid – 19 những xác này bị cáo đã cung cấp cho Toà án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Ông Đến: Không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. V là cán bộ Công chức Văn phòng – Thống kê phụ trách Lao động, Thương binh và Xã hội - Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội. Năm 2021, Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội phân công V có nhiệm vụ tạm ứng tiền từ thủ quỹ cơ quan rồi trực tiếp cấp tiền cho người dân thuộc diện được hỗ trợ do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid – 19 trên địa bàn xã Khánh Hội theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND và Quyết định số 1502/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, V đã có những sai phạm, cụ thể:

[1.1]. Cấp tiền 500.000đ/người cho 27 trường hợp, số tiền **13.500.000đ** theo Quyết định 1712/QĐ-UBND.

Hộ nghèo: Có 05 người có tên trong danh sách nhưng không có nhận tiền nhưng V lập chứng từ thanh quyết toán với số tiền 2.500.000đ.

Hộ cận nghèo: Có 21 người có tên trong danh sách nhưng không có nhận tiền; 01 trường hợp hộ khẩu thực tế 03 người nhưng V ghi danh sách 04 người (ghi thêm 01 người), 22 trường hợp trên đã được V lập chứng từ thanh quyết toán với số tiền 11.000.000đ.

Cáo trạng truy tố V chiếm đoạt **13.500.000đ**, án sơ thẩm xét xử bị cáo chiếm đoạt **1.500.000đ**.

Xét thấy, bị cáo V tạm ứng nhiều lần, tổng số tiền 3.232.000.000đ và tiền hành chi cho các đối tượng. Đến ngày 27/01/2022 bị cáo V hoàn tạm ứng tổng số tiền 54.000.000đ. Như vậy, đến tại thời điểm ngày 27/01/2022, số tiền mà bị cáo V tạm ứng là 3.178.000.000đ (3.232.000.000đ – 54.000.000đ). Ngày 21/02/2022, bị cáo V tiến hành thanh quyết toán với Kế toán, Thủ quỹ và lãnh đạo Ủy ban xã về số tiền mà V đã tạm ứng. Trên cơ sở các chứng từ chi do bị cáo V cung cấp bị cáo xác định số tiền bị cáo đã chi cho các đối tượng được hỗ trợ là 3.190.000.000đ (Biên bản thanh quyết toán thể hiện: Tổng số tiền V thanh toán tạm ứng là 3.190.000.000đ). Như vậy, ngày 21/02/2022 khi tiến hành thanh quyết toán, thì V đã thanh toán việc chi cho hộ nghèo 05 người, số tiền 2.500.000đ và hộ cận nghèo 22 người số tiền 11.000.000đ, tổng là 13.500.000đ. Song, các đối tượng được hỗ trợ không có nhận tiền (tức là bị cáo không có chi tiền) nhưng bị cáo vẫn thanh toán (là đã chi cho các đối tượng) với số tiền 13.500.000đ trong tổng số tiền 3.190.000.000đ. Do lúc này, bị cáo chỉ tạm ứng 3.178.000.000đ nên phải trả lại cho bị cáo 12.000.000đ; ngày 10/01/2023, Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội đã chi trả cho V số tiền 12.000.000đ và bị cáo đã nhận tiền. Từ đó, án sơ thẩm cho rằng, bị cáo nộp lại 12.000.000đ (trong số tiền 54.000.000đ) trước khi thanh quyết toán và trước khi sự việc bị phát hiện nên đối trừ vào số tiền 13.500.000đ nên xác định bị cáo chỉ chiếm đoạt 1.500.000đ là không có cơ sở vững chắc.

[1.2]. Cấp tiền 1.500.000đ/người cho 22 trường hợp, số tiền **33.000.000đ** theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo V giả danh 22 trường hợp ký vào danh sách cấp tiền người lao động không giao kết hợp đồng lao động bị mất việc chiếm đoạt số tiền **33.000.000đ**.

Án sơ thẩm xét xử bị cáo chỉ chiếm đoạt của 08 trường hợp gồm: Lê Minh Nhất, Nguyễn Nhật Duy, Trần Văn Tấn, Quách Văn Giới, Mai Hữu Hiệu, Trần Yến Dung, Phạm Văn Thanh, Nguyễn Văn Lãnh với số tiền **12.000.000đ** còn lại 14 trường hợp với số tiền 21.000.000đ chưa đủ cơ sở xác định bị cáo V chiếm đoạt.

Xét thấy: Đối với 08 trường hợp án sơ thẩm kết luận bị cáo chiếm đoạt số tiền 12.000.000đ, quá trình điều tra 08 người này đều khai là không có ký tên vào danh sách nhận tiền cũng như không có nhận tiền. Song, ngày 12 tháng 11 năm 2024, bị cáo V cung cấp Tờ xác nhận vào tháng 10 năm 2024 của Lê Minh Nhất, Trần Văn Tấn, Quách Văn Giới, Mai Hữu Hiệu, Nguyễn Văn Lãnh có xác nhận của Ủy ban xã với nội dung những người này đã có nhận tiền hỗ trợ. Do đó, cần thiết phải cho tiến hành đối chất trực tiếp giữa bị cáo với những người này, người có liên quan để làm rõ những mâu thuẫn giữa lời khai với những xác nhận của họ do bị cáo cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm để có đủ cơ sở kết luận bị cáo có chiếm đoạt hay không chiếm đoạt 12.000.000đ tiền Nhà nước cấp.

Đối với 14 trường hợp với số tiền 21.000.000đ: Cơ quan điều tra thực hiện giám định chữ ký của người nhận tiền trên danh sách nhận tiền với chữ viết, chữ ký của bị cáo V. Kết quả giám định có 07 trường hợp không đủ cơ sở kết luận chữ ký này là của bị cáo V, nhưng cơ quan điều tra lại không tiếp tục thực hiện biện pháp điều tra, giám định chữ ký, chữ viết đó với chữ ký, chữ viết của những người này để xác định có phải chữ ký, chữ viết của họ không. Đồng thời, tiến hành đối chất để xác định những người này đã nhận tiền hoặc có nhờ người nhận tiền thay (giúp) họ hay không, có như vậy, mới có đủ cơ sở xác định bị cáo có hay không chiếm đoạt tiền của Nhà nước cấp cho họ.

Đối với 06 trường hợp không có mặt tại địa phương, những người này có nhân thân cụ thể, nơi cư trú rõ ràng, số điện thoại, Giấy chứng minh nhân dân,... Do đó, cần phải tiếp tục xác minh đối tượng thụ hưởng đang cư trú ở đâu để thực hiện điều tra hoặc ủy thác điều tra xem họ có nhận tiền hỗ trợ hay chưa. Từ đó, mới có đủ cơ sở xác định có hay không bị cáo V chiếm đoạt tiền Nhà nước cấp đối với 06 trường hợp này.

Để giải quyết vụ án được toàn diện, cũng như do có các tài liệu chứng cứ mới mà bị cáo cung cấp, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy án sơ thẩm giao về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh để điều tra lại theo thủ tục chung.

[2]. Do còn nhiều vấn đề chưa được điều tra làm rõ cấp phúc thẩm không khắc phục được nên không đủ cơ sở để kết luận đối với các yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; Điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh; Giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh điều tra lại theo thủ tục chung.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo V không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miến